

**UBND QUẬN LÊ CHÂN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯ HÀNG**

**THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 20./QĐ-THDH ngày 28./6./2023 của Trường TH Dư Hàng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện ... <sup>(1)</sup>	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ... <sup>(1)</sup> /dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG SÔ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Học phí (nếu có)</b>				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu ....				
1.3	Tổng số thu trong năm				
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>				
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Bỏ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	- Chi khác: ...				
1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)				
<b>2</b>	<b>Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>				
<b>2.1</b>	<b>Quản lý học sinh ngoài giờ</b>			100%	100%
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	90.315	90.315	100%	100%
2.1.2	Mức thu: 2000.000đ/HS/tháng			100%	100%
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.757.440	1.757.440	100%	100%
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.757.440	1.757.440	100%	100%
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	1.757.440	1.757.440	100%	100%
2.1.6	Số chi trong năm	1.847.755	1.847.755	100%	100%
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1.478.203	1.478.203	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	184.776	184.776	100%	100%
	- Chi phúc lợi	184.776	184.776	100%	100%
	- Chi khác			100%	100%
2.1.7	Số dư cuối năm	0	0	100%	100%

<b>3</b>	<b>Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)</b>				
<b>3.1</b>	...				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: - .....				
	- .....				
	- .....				
3.1.6	Số dư cuối năm				
<b>4</b>	<b>Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....</b> (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
<b>4.1</b>	<b>Ăn bán trú</b>				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	4.459	4.459	100%	100%
4.1.2	Mức thu: 30.000đ/HS/ngày				
4.1.3	Tổng số thu trong năm	4.051.080	4.051.080	100%	100%
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	4.051.080	4.051.080	100%	100%
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	4.051.080	4.051.080	100%	100%
4.1.6	Số chi trong năm	4.055.220	4.055.220	100%	100%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	4.055.220	4.055.220	100%	100%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	0	0		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0		
	- Chi phúc lợi	0	0		
	- Chi khác:	0	0		
4.1.7	Số dư cuối năm	319	319	100%	100%
<b>4.2</b>	<b>Chất đốt bán trú</b>				
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	4.158	4.158	100%	100%
4.2.2	Mức thu:				
4.2.3	Tổng số thu trong năm	0	0	100%	100%
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	0	100%	100%
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	0	0	100%	100%
4.2.6	Số chi trong năm	4.158	4.158	100%	100%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	4.158	4.158	100%	100%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	0	0		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0		
	- Chi phúc lợi	0	0		
	- Chi khác:	0	0		
4.2.7	Số dư cuối năm	0	0	100%	100%
<b>4.3</b>	<b>Chăm nuôi bán trú</b>				
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	169.619	169.619	100%	100%
4.3.2	Mức thu: 150.000đ/HS/tháng				
4.3.3	Tổng số thu trong năm	1.096.800	1.096.800	100%	100%

4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.096.800	1.096.800	100%	100%
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	1.096.800	1.096.800	100%	100%
4.3.6	Số chi trong năm	1.252.949	1.252.949	100%	100%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	1.127.654	1.127.654	100%	100%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất			100%	100%
	- Chi phúc lợi			100%	100%
	- Chi khác:	125.295	125.295		
4.3.7	Số dư cuối năm	13.470	13.470	100%	100%
<b>4.4</b>	<b>Trông xe cho học sinh</b>				
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang			100%	100%
4.4.2	Mức thu: 30.000đ/HS/tháng				
4.4.3	Tổng số thu trong năm	36.750	36.750	100%	100%
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	36.750	36.750	100%	100%
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	36.750	36.750	100%	100%
4.4.6	Số chi trong năm	27.540	27.540	100%	100%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	27.540	27.540	100%	100%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất			100%	100%
	- Chi phúc lợi			100%	100%
	- Chi khác:				
4.4.7	Số dư cuối năm	9.210	9.210	100%	100%
<b>5</b>	<b>Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>				
<b>5.1</b>	<b>Tiếng Anh GV người nước ngoài dạy</b>				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	49.295	49.295	100%	100%
5.1.2	Mức thu: 160.000đ/HS/tháng				
5.1.3	Tổng số thu trong năm	1.166.880	1.166.880	100%	100%
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.166.880	1.166.880	100%	100%
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	1.166.880	1.166.880	100%	100%
5.1.6	Số chi trong năm	1.152.696	1.152.696	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	806.887	806.887	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	103.742	103.742	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	172.904	172.904	100%	100%
	- Chi phúc lợi	69.163	69.163	100%	100%
	- Chi khác: ...	0	0	100%	100%
5.1.7	Số dư cuối năm	63.479	63.479	100%	100%
<b>5.2</b>	<b>Tin học</b>				
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	16.128	16.128	100%	100%
5.2.2	Mức thu: 40.000đ/HS/tháng				
5.2.3	Tổng số thu trong năm	155.540	155.540	100%	100%

5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	155.540	155.540	100%	100%
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	155.540	155.540	100%	100%
5.2.6	Số chi trong năm	152.686	152.686	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	106.879	106.879	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	13.741	13.741	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	22.902	22.902	100%	100%
	- Chi phúc lợi	9.164	9.164	100%	100%
	- Chi khác: ...	0	0		
5.2.7	Số dư cuối năm	18.982	18.982	100%	100%
<b>5.3</b>	<b>Kĩ năng sống</b>				
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	12.008	12.008	100%	100%
5.3.2	Mức thu: 48.000đ/HS/tháng				
5.3.3	Tổng số thu trong năm	380.568	380.568	100%	100%
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	380.568	380.568	100%	100%
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	380.568	380.568	100%	100%
5.3.6	Số chi trong năm	357.016	357.016	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	249.910	249.910	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	32.131	32.131	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	53.552	53.552	100%	100%
	- Chi phúc lợi	21.423	21.423	100%	100%
	- Chi khác: ...	0	0		
5.3.7	Số dư cuối năm	35.560	35.560	100%	100%
<b>5.4</b>	<b>Tiếng Nhật</b>				
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.845	1.845	100%	100%
5.4.2	Mức thu: 96.000đ/HS/tháng				
5.4.3	Tổng số thu trong năm	28.752	28.752	100%	100%
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	28.752	28.752	100%	100%
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	28.752	28.752	100%	100%
5.4.6	Số chi trong năm	26.648	26.648	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	18.653	18.653	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	2.398	2.398	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	3.997	3.997	100%	100%
	- Chi phúc lợi	1.600	1.600	100%	100%
	- Chi khác: ...	0	0		
5.4.7	Số dư cuối năm	3.949	3.949	100%	100%
<b>5.5</b>	<b>Toán tư duy</b>				
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	12.461	12.461	100%	100%
5.4.2	Mức thu: 48.000đ/HS/tháng				
5.4.3	Tổng số thu trong năm	356.928	356.928	100%	100%
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	356.928	356.928	100%	100%
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	356.928	356.928	100%	100%
5.4.6	Số chi trong năm	346.286	346.286	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	242.400	242.400	100%	100%

	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	31.165	31.165	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	51.942	51.942	100%	100%
	- Chi phúc lợi	20.779	20.779	100%	100%
	- Chi khác: ...	0	0		
5.4.7	Số dư cuối năm	23.103	23.103	100%	100%
<b>5.6</b>	<b>Tiếng Anh GV người Việt Nam dạy</b>				
5.6.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0	100%	100%
5.6.2	Mức thu: 80.000đ/HS/tháng				
5.6.3	Tổng số thu trong năm	589.400	589.400	100%	100%
5.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	589.400	589.400	100%	100%
5.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	589.400	589.400	100%	100%
5.6.6	Số chi trong năm	556.629	556.629	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	389.640	389.640	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	50.096	50.096	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	83.494	83.494	100%	100%
	- Chi phúc lợi	33.399	33.399	100%	100%
	- Chi khác: ...	0	0		
5.1.7	Số dư cuối năm	32.771	32.771	100%	100%
<b>6</b>	<b>Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>				
<b>6.1</b>	<b>Y tế (CSSKBD)</b>				
6.1.1	Số học sinh: 1131 hs				
6.1.2	Mức thu: BHXH quận cấp về				
6.1.3	Tổng thu	74.488	74.488	100%	100%
6.1.4	Đã chi	42.983	42.983	100%	100%
6.1.5	Dư	31.505	31.505	100%	100%
<b>6.2</b>	<b>BHYT học sinh</b>				
6.2.1	Số học sinh: 1131 hs				
6.2.2	Mức thu: Theo quy định của BHXH				
6.2.3	Tổng thu	667.606	67.606	100%	100%
6.2.4	Đã chi	667.606	667.606	100%	100%
6.2.5	Dư			100%	100%
<b>6.3</b>	<b>KP hoạt động Ban đại diện CMHS</b>				
6.3.1	Số học sinh: hs				
6.3.2	Mức thu:				
6.3.3	Tổng thu	1.873	1.873	100%	100%
6.3.4	Đã chi	1.873	1.873	100%	100%
6.3.5	Dư	0	0	100%	100%
<b>6.4</b>	<b>In sao để kiểm tra</b>				
6.4.1	Số học sinh: hs				
6.4.2	Mức thu:				
6.4.3	Tổng thu	30.292	30.292	100%	100%
6.4.4	Đã chi	29.042	29.042	100%	100%

6.4.5	Dư	1.250	1.250	100%	100%
<b>6.5</b>	<b>Nước uống học sinh</b>				
6.5.1	Số học sinh: 1174 hs				
6.5.2	Mức thu: 10.000đ/HS/tháng				
6.5.3	Tổng thu	143.780	143.780	100%	100%
6.5.4	Đã chi	143.716	143.716	100%	100%
6.5.5	Dư	64	64	100%	100%
<b>6.6</b>	<b>Số liên lạc điện tử</b>				
6.6.1	Số học sinh: hs				
6.6.2	Mức thu:				
6.6.3	Tổng thu	58.376	58.376	100%	100%
6.6.4	Đã chi	34.500	34.500	100%	100%
6.6.5	Dư	23.876	23.876	100%	100%
<b>6.7</b>	<b>Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú</b>				
6.7.1	Số học sinh: 830 hs				
6.7.2	Mức thu: 360.000đ/HS/năm (Khối 1); 100.000đ/HS/năm (Khối 2,3,4,5)				
6.7.3	Tổng thu	127.297	127.297	100%	100%
6.7.4	Đã chi	124.183	124.183	100%	100%
6.7.5	Dư	3.114	3.114	100%	100%
<b>6.8</b>	<b>Khuyến học</b>				
6.8.1	Số học sinh: hs				
6.8.2	Mức thu:				
6.8.3	Tổng thu	17.408	17.408	100%	100%
6.8.4	Đã chi	17.408	17.408	100%	100%
6.8.5	Dư	0	0	100%	100%
<b>6.9</b>	<b>Dạy học 2 buổi/ngày</b>				
6.9.1	Số học sinh: 1228 hs				
6.9.2	Mức thu: 30.000đ/HS/tháng				
6.9.3	Tổng thu	312.585	312.585	100%	100%
6.9.4	Đã chi	240.013	240.013	100%	100%
6.9.5	Dư	72.572	72.572		
<b>6.10</b>	<b>Lợn siêu trọng</b>				
6.10.1	Số học sinh: hs				
6.10.2	Mức thu:				
6.10.3	Tổng thu	5.418	5.418	100%	100%
6.10.4	Đã chi	5.418	5.418	100%	100%
6.10.5	Dư	0	0	100%	100%
<b>6.11</b>	<b>Đoàn Đội</b>				
6.11.1	Số học sinh: hs				
6.11.2	Mức thu:				
6.11.3	Tổng thu	37.170	37.170	100%	100%
6.11.4	Đã chi	35.433	35.433	100%	100%
6.11.5	Dư	1.737	1.737	100%	100%
<b>6.12</b>	<b>Hỗ trợ điện điều hòa</b>				
6.12.1	Số học sinh:				
6.12.2	Mức thu:				

6.12.3	Tổng thu	1.582	1.582	100%	100%
6.12.4	Đã chi	1.582	1.582		
6.12.5	Dư	0	0	100%	100%
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ....				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ....				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ....				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ...				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe đạp				
6	.....				
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ....				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ....				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.142.560	7.142.560	100%	100%
	Chi thanh toán cá nhân	6.391.778	6.391.778	100%	100%
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	61.512	61.512	100%	100%
	Chi mua sắm sửa chữa	74.363	74.363	100%	100%
	Chi khác: ....	614.907	614.907	100%	100%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	788.061	788.061	100%	100%
	Chi thanh toán cá nhân	9.300	9.300	100%	100%
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	211.772	211.772	100%	100%
	Chi mua sắm sửa chữa	563.511	563.511	100%	100%
	Chi khác: ....	3.478	3.478	100%	100%
<b>II</b>	<b>Nguồn viện trợ</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

**NGƯỜI LẬP**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Phạm Thị Hải Yến**

Hải Phòng ngày, 28 tháng 6. năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên và đóng dấu)



**Lê Thị Thu Hương**